

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HC-ST

Ngày: 23 - 12 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định xử
phạt vi phạm hành chính và quyết
định giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ngọc Ánh;
Ông Phạm Văn Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc X Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-HC ngày 31 tháng 7 năm 2020, về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2020/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 10 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số: 10/2020/QĐST-HC ngày 28 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-HC ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2020/QĐST-HC ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa:

*** Người khởi kiện:** Bà Lê Thị X.

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, Huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, Huyện V.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng P, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện V (Giấy ủy quyền số 2587/UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện V).

Cùng địa chỉ: Số 469 đường H, thị trấn V, Huyện V, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Đ, Huyện V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn M T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, Huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 14/3/2020, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/4/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Lê Thị X trình bày:*

Gia đình bà Lê Thị X có nhiều người, sống tại Thôn T2, xã Đ, Huyện V, tỉnh Khánh Hòa khi trưởng thành đều lập gia đình, sinh con, mỗi người phải lao động để tự lo cuộc sống của gia đình riêng và hạnh phúc của mình. Vì nơi ở cũ vào mùa mưa bão không còn an toàn do một số người đã lấn suối Dừa làm cho dòng chảy bị thay đổi và bị tắc nghẽn, dẫn đến nước lũ tràn vào khu dân cư gây ngập úng, các vật dụng sinh hoạt của gia đình bị hư hỏng và ảnh hưởng đến sinh mạng người dân, chính quyền địa phương xã Đ đã biết. Do đó, việc bà X thay đổi chỗ ở là cần thiết để bảo vệ sinh mạng và tài sản khi mưa lũ.

Để giúp các con có cuộc sống, nơi ăn, ở an toàn và tốt hơn nơi ở cũ, mẹ bà X là bà Trần Thị S có lô đất đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Huyện Vh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 202937, số vào sổ cấp GCN: CH03786, diện tích 1.802,2 m² (viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Căn cứ thực tế nơi đây người dân xây nhà sinh sống, được UBND xã Đ xác nhận là khu dân cư Thôn T2, xã Đ, bà S đã nói bà X và các con xây nhà ở để kịp tránh mùa mưa lụt sắp đến.

Tháng 10/2019, bà X cùng chị là Nguyễn Thị Lệ N và anh Lê Văn H tiến hành xây dựng mỗi người một căn nhà cấp 4 trên diện tích đất của bà S nêu trên.

Ngày 28/10/2019, UBND xã Đ cho cán bộ xã đến lập “*Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*” buộc bà Lê Thị X dừng thi công để xử lý hành vi lấn chiếm đất rừng sản xuất do UBND xã Đ quản lý (lúc này việc xây dựng nhà gần hoàn thành). Bà X cho rằng:

Bà X không lấn chiếm đất rừng của ai, bà xây dựng nhà trên đất của mẹ là bà Trần Thị S đã được UBND Huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã Đ không đưa ra bất kỳ tài liệu nào để chứng minh hành vi bà X chiếm đất rừng sản xuất do UBND xã quản lý. Nếu UBND xã Đ đưa ra tài liệu chứng minh đất rừng của xã quản lý thì bà ngừng thi công (vì nơi đây là khu dân cư). Nhưng UBND xã vẫn kết luận cho rằng bà X chiếm đất rừng sản xuất và cán bộ xã đã đập phá sập tường nhà đang xây là sai quy định và trái pháp luật, vì không có bất kỳ quyết định xử lý của cơ quan và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành; UBND xã Đ buộc bà X dừng thi công, cán bộ xã đã đuổi công nhân và thu dụng cụ lao động của họ. Do đó, bà đã không thể hoàn thành việc xây dựng nhà, các vật liệu đã bị mất và hư hỏng.

Ngày 05/11/2019, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà X về hành vi chiếm đất rừng sản xuất (viết tắt là Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC). Hình thức xử phạt chính: phạt tiền, mức phạt 4.000.000 đồng; Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc bà X phải khôi phục lại hiện trạng 38,64 m² của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

Bà X khiếu nại Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC đến Chủ tịch UBND xã Đ vì bà không có hành vi chiếm đất rừng sản xuất do UBND xã Đ quản lý.

Ngày 04/12/2019, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số: 78/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Bà Lê Thị X (lần đầu) (viết tắt là Quyết định số: 78/QĐ-UBND) với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà X vì nội dung khiếu nại không có cơ sở.

Không đồng ý việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ, bà X khiếu nại Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC đến Chủ tịch UBND Huyện V.

Ngày 19/02/2020, Chủ tịch UBND Huyện V ban hành Quyết định số: 354/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Bà Lê Thị X (lần 2) (viết tắt là Quyết định số: 354/QĐ-UBND) với nội dung: Bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà X đối với Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC vì nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét, giải quyết; công nhận Quyết định số: 78/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị X cho rằng bà không xây nhà, nhà xây và bị phạt là do mẹ bà là Trần Thị S xây. Bà X tự đọc lại đơn khởi kiện ngày 14/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/4/2020 và xác định nội dung đơn hoàn toàn đúng S thật.

Các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Đ và Chủ tịch UBND Huyện V là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà X, do đó, bà X yêu cầu Tòa án hủy các quyết định: Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC, Quyết định số: 78/QĐ-UBND và Quyết định số: 354/QĐ-UBND.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2020, người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:*

- Đối với Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC:

Ngày 28/10/2019, UBND xã Đ thành lập Hội đồng đi kiểm tra trên địa bàn, qua kiểm tra, Hội đồng nhận thấy tại địa chỉ Thôn T2, xã Đ có công trình do bà Lê Thị X xây dựng trái phép trên đất rừng sản xuất do UBND xã Đ quản lý nên lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai cụ thể:

Vị trí bà Lê Thị X xây dựng nhà ở thuộc đất đồi núi trồng rừng tiếp giáp với thửa 147, tờ bản đồ số 1 (của ông Phan Quang Q). Hiện tại thửa đất trên không có sổ thửa vì chưa được đo đạc. Theo quy hoạch sử dụng đất là đất rừng sản xuất. Có tứ cận: Phía Đông: Giáp vị trí xây dựng của ông Lê Văn H; phía Tây: Giáp núi; phía Nam: Giáp suối Dừa; phía Bắc giáp: Thửa 147, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lâm nghiệp);

Bà X cho rằng, vị trí bà xây dựng nhà ở trên đất của mẹ là bà Trần Thị S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận: phía Đông: Giáp thửa đất số 43 và thửa đất số 21; phía Tây, Nam và phía Bắc: Giáp suối Dừa.

Từ vị trí đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S đến vị trí xây dựng vi phạm của bà X cách nhau khoảng 70 m. Kết quả xác M về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với các hộ dân sử dụng đất liền kề: Từ năm 2004 đến nay, tại vị trí đất của bà X xây dựng nhà ở không có ai trồng trọt hay canh tác gì trên đất.

Tại thời điểm lập biên bản vi phạm, có bà X nhưng bà X không ký biên bản nên Hội đồng đã tiến hành lập biên bản theo thủ tục vắng mặt người vi phạm theo quy định và có ông Nguyễn Ngọc M là Trưởng thôn chứng kiến.

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính đã lập, ngày 05/11/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ban hành Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị X về hành vi chiếm 38,64 m² đất rừng sản xuất do UBND xã Đ quản lý; hình phạt chính: phạt tiền, mức phạt 4.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: buộc bà X phải khôi phục lại hiện trạng 38,64 m² của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

- Đối với Quyết định số: 78/QĐ-UBND:

Ngày 29/11/2019, bà Lê Thị X có đơn khiếu nại Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC, bà X cho rằng quyết định trên là sai trái, không xem xét rõ vị trí, hiện trạng thửa đất, quyền lợi của công dân và bà có quyền xây dựng nhà ở trên phần đất mà Chủ tịch UBND xã Đ xử phạt vi phạm hành chính vì phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua kiểm tra, xác M và trên cơ sở hồ sơ địa chính, bản đồ xã quản lý thì phần diện tích xây dựng nhà của bà X đang xây dựng không có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà xây dựng trên đất rừng sản xuất do UBND xã Đ quản lý, cách phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 70 m.

Ngày 04/12/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ban hành Quyết định số: 78/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị X là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, các quyết định trên của Chủ tịch UBND xã Đ là có căn cứ, đúng pháp luật nên được giữ nguyên; yêu cầu của bà Lê Thị X là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận.

** Tại Văn bản số: 2298/UBND-TTr ngày 01/9/2020 và quá trình tố tụng, người bị kiện là Chủ tịch UBND Huyện V trình bày:*

Sau khi thụ lý khiếu nại lần hai, qua kiểm tra hiện trạng thì phần đất mà bà Lê Thị X đang tiến hành xây dựng công trình nhà thuộc Thôn T2, xã Đ, có vị trí tiếp giáp với suối Dừa về phía Nam; giáp với thửa đất rừng sản xuất số 147, tờ bản đồ lâm nghiệp số 1 xã Đ (do ông Phan Văn Q đang sử dụng) về phía Bắc và tiếp giáp với nhà ông Nguyễn Đình Sỹ về phía Đông. Toàn bộ phần diện tích đất mà bà X đang tiến hành xây nhà chưa được đo đạc để hình thành thửa nên chưa có số hiệu thửa đất trên bản đồ địa chính xã Đ. Theo quy hoạch sử dụng đất của UBND xã đến năm 2020, thì phần đất này là đất rừng sản xuất do UBND xã quản lý và hiện nay đang nằm trong phạm vi để thực hiện dự án hệ thống nước sạch xã Đ. Đối chiếu với bản đồ địa chính số 3 xã Đ thì phần đất mà bà Trần Thị S được UBND Huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị

trí tiếp giáp với suối Dừa về phía Bắc và cách vị trí mà bà X xây dựng khoảng 70 m, 02 phần đất cách nhau bởi suối Dừa.

Theo trình bày của UBND xã Đ về nguồn gốc của phần đất mà các hộ đang xây dựng nhà thì từ năm 2004 cho đến nay không có người sử dụng. Vì vậy, phần đất mà bà X xây dựng được xác định trên thực tế không phải là phần đất của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 đã được UBND Huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S (mẹ của bà X) nên việc Chủ tịch UBND xã Đ căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ban hành Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC và Quyết định số: 78/QĐ-UBND đối với bà X là có cơ sở.

Do đó, Chủ tịch UBND Huyện V ban hành Quyết định số: 354/QĐ-UBND với nội dung bác toàn bộ đơn khiếu nại của Bà Lê Thị X là đúng pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ do Chủ tịch UBND xã Đ trình bày: Về việc quản lý diện tích đất của UBND xã Đ bị Bà Lê Thị X chiếm như phần trình bày của người bị kiện (nêu trên).*

Kèm theo đơn khởi kiện của người khởi kiện; ý kiến người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các đương S nộp các tài liệu chứng cứ đã được công khai tại biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa.

Toà án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương S thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người bị kiện vắng mặt nên việc đối thoại không thể thực hiện được. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà mở phiên tòa xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương S và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc hủy các Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC, Quyết định số: 78/QĐ-UBND và Quyết định số: 354/QĐ-UBND.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, nên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Ngày 19/02/2020, Chủ tịch UBND Huyện V ban hành Quyết định số: 355/QĐ-UBND, ngày 14/3/2020 bà X có đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.4] Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi xây nhà do bà Lê Thị X thực hiện:

Tháng 10 năm 2019, bà Lê Thị X xây dựng nhà ở thuộc đất đồi núi trồng rừng. Có tứ cận: Phía Đông: Giáp vị trí xây dựng của ông Lê Văn H; phía Tây: Giáp núi; phía Nam: Giáp suối Dừa; phía Bắc: Giáp thửa đất số 147, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lâm nghiệp). Hiện nay thửa đất không có số thửa vì chưa được đo đạc. Theo quy hoạch sử dụng đất là đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý.

Theo đơn khởi kiện, bà X cho rằng, bà xây dựng nhà ở trên đất của mẹ là bà Trần Thị S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 bà S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tứ cận: Phía Đông: Giáp thửa đất số 43 và thửa đất số 21; phía Tây, Nam và phía Bắc: Giáp suối Dừa.

Như vậy, vị trí bà X xây nhà ở phía Tây suối Dừa, vị trí thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 của bà Trần Thị S ở phía Đông suối Dừa; vị trí nhà bà X xây dựng và thửa đất số 18 của bà S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cách nhau bởi suối Dừa và khoảng 70 m. Kết quả xác M về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với các hộ dân sử dụng đất liền kề thì từ năm 2004 đến nay, tại vị trí đất của bà X xây dựng nhà ở không có ai trồng trọt hay canh tác gì trên đất.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị X cho rằng bà không xây nhà, cuộc sống gia đình bà rất khó khăn nên không có khả năng xây nhà, nhà xây và bị phạt do mẹ bà là Trần Thị S xây. Bà X tự đọc lại đơn khởi kiện ngày 14/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/4/2020 và xác định đúng là đơn của bà, nội dung đơn hoàn toàn đúng S thật. Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung (nêu trên) và nội dung đơn khiếu nại Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC bà X đều xác định bà X là người xây nhà. Mặt khác, tại phiên tòa, bà X khẳng định mẹ bà là Trần Thị S bị liệt nằm tại chỗ nên việc bà X cho rằng nhà do bà S trực tiếp xây dựng là không hợp lý. Bà X cho rằng khi chính quyền xã Đ lập biên bản vi phạm hành chính bà không biết và không có mặt, tuy nhiên, theo Biên bản bị xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai ngày 31/10/2019 thì bà X có mặt khi lập biên bản nhưng không ký biên bản. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày tại phiên tòa của bà X.

Do đó, có đủ căn cứ xác định Bà Lê Thị X xây nhà trên đất rừng sản xuất do UBND xã Đ quản lý, không phải trên thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 của bà Trần Thị S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Bà Lê Thị X:

Ngày 31/10/2019, UBND xã Đ lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà X vì đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý, cụ thể: Giáp thửa 147, tờ bản đồ số 1 (Bản đồ lâm nghiệp). Thời điểm vi phạm ngày 28/10/2019; diện tích chiếm 38,64 m²; quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; địa điểm vi phạm Thôn T2, xã Đ, Huyện V. Bà X có mặt nhưng không ký vào biên bản vi phạm, không nhận biên bản vi phạm.

Tại Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị X, quyết định về biện pháp khắc phục hậu quả: buộc Bà Lê Thị X phải khôi phục lại hiện trạng 38,64 m² của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm. Quyết định áp dụng biện pháp buộc trả lại đất đã chiếm của Chủ tịch UBND xã Đ là trái với thẩm quyền được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định về thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc trả lại đất đã lấn, chiếm thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Huyện. Trong trường hợp này, Chủ tịch UBND xã Đ phải căn cứ điểm b khoản 4 Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cHển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền (Chủ tịch UBND Huyện V) để xử phạt.

Như vậy, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị X là vi phạm thẩm quyền.

[2.3] Về các quyết định giải quyết khiếu nại: Như đã nhận định mục [2.2], Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC là vi phạm thẩm quyền, nên Quyết định số: 78/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Chủ tịch UBND xã Đ và Quyết định số: 354/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch UBND Huyện V với nội dung bác toàn bộ đơn khiếu nại của bà Lê Thị X và giữ nguyên Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ nhận định [2], chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X, hủy các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà Lê Thị X được chấp nhận, hủy các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ và Chủ tịch UBND Huyện V, nên Chủ tịch UBND xã Đ và Chủ tịch UBND Huyện V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 28, Điều 38 và Điều 52 Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012;

- Áp dụng Điều 10 và Điều 31 Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Áp dụng Luật khiếu nại năm 2011.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X, hủy các quyết định sau:

- Quyết định số: 70/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị X.

- Quyết định số: 78/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị X (lần đầu).

- Quyết định số: 354/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện V về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị X (lần 2).

2. Về án phí:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, Huyện V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Lê Thị X 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001281 ngày 28/7/2020 của Cục Thi hành án dân S tỉnh Khánh Hòa.

Đương S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với đương S vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

- Đương sự;

- Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa;

- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;

- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hồng Tuấn